

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2020/DS-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng

Ông Nguyễn Trường Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 392/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Ngọc H** – sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Bị đơn:

1/ Ông **Lê Chí N** – sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2/ Ông **Nguyễn Trung H** – sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2020, tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông Huỳnh Ngọc H trình bày:

Ngày 02/10/2019 ông có giao kết bán lúa giống cho ông N và H với số lượng lúa giống là 15.320kg, giá giao dịch là 15.000 đồng/kg = 229.800.000 đồng. Số lúa giống này được H và N cùng đến nhận và giao lại cho người dân phục vụ cho sản xuất vụ lúa Đông Xuân và nhận tiền giống từ người dân vào cuối vụ thu hoạch để trả lại ông. Khi đến mùa thu hoạch, H đã thu tiền lúa giống bán người dân và đã trả cho ông được 25.000.000 đồng. Ông N và ông H cung cấp ông địa chỉ người dân mua lúa

giống để ông tự thu của người dân được 34.800.000 đồng. Vậy số tiền ông đã thu được từ bán lúa giống 59.800.000 đồng, sau khi trừ số tiền còn nợ và tiền đã trả, hiện bị đơn còn nợ lại ông là 170.000.000 đồng. Đối với số tiền này, H trực tiếp thu của người dân và còn giữ lại 46.600.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu ông H có trách nhiệm trả ông 46.600.000 đồng, số tiền còn lại 123.400.000 đồng ông N có trách nhiệm trả cho ông, không yêu cầu về lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2020, ông Lê Chí N trình bày: Năm 2019 ông có cùng với ông H đến thực hiện giao dịch mua lúa giống với ông H, theo đó ông H đồng ý bán cho ông và ông H số lúa giống có trọng lượng là 15.320kg, giá giao dịch là 15.000 đồng/kg = 229.800.000 đồng. Đối với số lúa này, ông và ông H trực tiếp đến nhận và bán lại cho người dân và sẽ thu tiền vào cuối vụ sản xuất lúa. Khi thu tiền người dân, H trực tiếp thu hai lần với số tiền thu lần đầu là 35.000.000 đồng và đã giao lại hết cho ông số tiền này, lần thu thứ hai số tiền là 71.600.000 đồng H đưa cho H 10.000.000 đồng trả tiền lúa giống và đưa cho ông 15.000.000 đồng, số còn lại là 46.600.000 đồng hiện H vẫn còn giữ. Ông xác định đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông và ông H có nghĩa vụ trả nguyên đơn số tiền hiện thiếu là 170.000.000 đồng. Đối chiếu với số tiền ông H đang giữ, ông đồng ý trả tiếp cho ông H số tiền là 123.400.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/5/2020, ông Nguyễn Trung H trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do ông cho rằng ông không có làm ăn giao dịch với nguyên đơn, việc mua bán lúa giống là giữa ông H và ông N thực hiện với nhau không liên quan đến ông. Ông xác định ông có tiến hành thu tiền bán lúa giống đối với những người mua lúa giống của ông N với số tiền là 71.600.000 đồng, số tiền này ông đã đưa lại cho ông H 10.000.000 đồng và phần còn lại ông đã đưa hết lại cho ông N. Ông không có nợ tiền lúa giống đối với nguyên đơn nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và diễn biến phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Ông Lê Chí N và ông Nguyễn Trung H cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng dân sự mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Hậu là người khởi kiện, ông N và ông H là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự ông H là nguyên đơn, ông N và ông H là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, ông N vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; Ông H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, ông H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ từ giao dịch mua bán lúa giống hiện phía bị đơn vẫn chưa thanh toán xong đối với nguyên đơn. Phía bị đơn thừa nhận có giao dịch mua bán lúa giống như nguyên đơn trình bày, thừa nhận hiện vẫn còn thiếu nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn gồm có ông Lê Chí N, ông Nguyễn Trung H cùng có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, trong đó ông H không đồng ý trả số tiền mà nguyên đơn yêu cầu vì cho rằng mình không liên quan đến quan hệ giao dịch giữa ông H và ông N. Trách nhiệm trả nợ thuộc về ông N mà không phải là trách nhiệm của ông H.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch mua bán lúa giống giữa các bên được ông Hậu và ông N thừa nhận, việc bị đơn có đến nhận lúa giống trực tiếp từ nguyên đơn là thực tế có xảy ra được ông N thừa nhận. Tuy ông N là người trực tiếp thực hiện việc giao dịch nhưng ông H có tham gia và cùng thực hiện nguyên chuỗi hoạt động từ việc cùng ông N trực tiếp lấy hàng hóa và vận chuyển đến người dân, trực tiếp giao dịch với người dân và trực tiếp gom tiền cùng với ông N từ người dân. Điều này thể hiện ông H có cùng ý trí với ông N để thực hiện giao dịch với ông H nên phải có trách nhiệm cùng với ông N thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho phía nguyên đơn. Việc ông H tham gia cùng với ông N thực hiện việc giao dịch lúa giống tới người tiêu dùng là hoạt động đầu tư có sinh lợi, trong khi ông N không hề trả tiền công cho phía ông H nên quan hệ giữa ông H và ông N không phải là quan hệ thuê mướn mà là quan hệ hợp tác cùng thực hiện chung một hoạt động kinh doanh sinh lợi và lợi nhuận có được sẽ được phân chia với nhau. Mặt khác, trong quá trình thực hiện giao kết, chính ông H là người nhiều lần trực tiếp thu gom tiền đối với người dân mua lúa giống và số tiền thu được chính ông H thừa nhận có mang trả cho nguyên đơn, điều này thể hiện bản thân ông H thừa nhận có nợ nguyên đơn nên mới thực hiện việc trực tiếp trả tiền như trên. Ông H xác định số tiền ông trực tiếp thu từ người dân mua lúa giống là 71.600.000 đồng và ông đã trực tiếp mang trả cho nguyên đơn 10.000.000 đồng, số tiền còn lại ông đã mang trả cho ông N toàn bộ. Ông N thừa nhận ông H thu số tiền đúng như trên sau khi trừ đi số tiền trả nguyên đơn 10.000.000 đồng thì ông H đưa cho ông 15.000.000 đồng, số tiền còn lại 46.600.000 đồng hiện ông H vẫn còn giữ. Ông H không chứng minh được số tiền 46.600.000 đồng đã trả cho ông N, tòa án có yêu cầu ông cung cấp chứng cứ để chứng minh nhưng ông H không thực hiện được. Điều này có cơ sở khẳng định số tiền thu gom lúa giống hiện nay ông H vẫn còn giữ 46.600.000 đồng, đây là số tiền có được từ giao dịch mua lúa giống của nguyên đơn chưa trả nên ông H có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền trên.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở kết luận: Việc ông H và ông N có thực hiện giao dịch mua bán lúa giống với nguyên đơn và hiện còn thiếu nguyên đơn số tiền là 170.000.000 đồng. Trong đó, ông H có trách nhiệm trả số tiền mà ông hiện giữ là 46.600.000 đồng, số tiền 123.400.000 đồng còn lại ông N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Chí N phải chịu là 123.400.000 đồng $\times$ 5% = 6.170.000 đồng và ông Nguyễn Trung H phải chịu là 46.600.000 đồng $\times$ 5% = 2.330.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Toàn bộ yêu cầu của ông Huỳnh Ngọc H được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 146, Điều 147, Điều 196, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 220, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Lê Chí N có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Ngọc H số tiền 123.400.000 (một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Buộc ông Nguyễn Trung H có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Ngọc H số tiền 46.600.000 (bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông Huỳnh Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Chí N, Nguyễn Trung H không thi hành xong khoản tiền trên, ông Lê Chí N, Nguyễn Trung H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm, ông Lê Chí N phải nộp số tiền 6.170.000 (sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng; ông Nguyễn Trung H phải nộp số tiền 2.330.000 (hai triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng. Ông Huỳnh Ngọc H được nhận lại số tiền 4.250.000 đồng theo biên lai thu số 0003538 ngày 22/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Hợp